

Số: 403 / QĐ-LĐTĐBXH

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2011 - 2015

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 158/2008/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Viện trưởng Viện Khoa học Lao động và Xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội giai đoạn 2011- 2015 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động) với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Quan điểm

1.1. Các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu phải ưu tiên giải quyết các vấn đề ảnh hưởng đến an ninh con người; đặc biệt các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương nhất như người nghèo, người dân tộc thiểu số, trẻ em, người cao tuổi và phụ nữ, nhân dân sống ở các vùng sâu, vùng xa, miền núi và hải đảo.

1.2. Coi trọng việc nâng cao năng lực tự ứng phó của người dân trước tác động của biến đổi khí hậu kết hợp với sự hỗ trợ của Nhà nước và sự tham gia của cộng đồng.

1.3. Đa dạng hoá các nguồn lực nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm các hỗ trợ về kỹ thuật, hỗ trợ tài chính, huy động sự tham gia của các cơ quan nhà nước (trung ương và địa phương), các tổ chức quốc tế, các tổ chức chính trị xã hội, các hiệp hội nghề nghiệp và doanh nghiệp, cộng đồng dân cư.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu chung

Đánh giá được tác động của biến đổi khí hậu đối với các nhóm đối tượng; đề xuất, áp dụng được các giải pháp ứng phó nhằm giảm thiểu rủi ro do tác động của biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực quản lý của ngành và góp phần tích cực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Hoàn thành các nghiên cứu, đánh giá và dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến sự phát triển các lĩnh vực của ngành; đề xuất các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực của ngành.

- Nghiên cứu, xây dựng, triển khai thực hiện thí điểm và đề xuất nhân rộng các dự án, mô hình về ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thành việc rà soát, lồng ghép các yếu tố tác động của biến đổi khí hậu vào các chiến lược, qui hoạch, kế hoạch chương trình, đề án của ngành.

- Nâng cao được nhận thức của cán bộ, viên chức toàn ngành về tác động của biến đổi khí hậu và giải pháp ứng phó.

- Bước đầu xây dựng được đội ngũ chuyên gia và mạng lưới các cộng tác viên về ứng phó với biến đổi khí hậu trong và ngoài nước.

- Thu hút được các nguồn lực của cộng đồng quốc tế phục vụ các hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành.

3. Các nhiệm vụ chủ yếu

3.1. Nhóm nhiệm vụ 1: Nghiên cứu, khảo sát; đánh giá, dự báo và đề xuất các giải pháp ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực của ngành.

a) Khảo sát, thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu ban đầu về tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực Lao động, Người có công và Xã hội.

b) Phân tích, đánh giá, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực Bộ quản lý phù hợp với các kịch bản biến đổi khí hậu đã công bố.

c) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học có liên quan đến các vấn đề lao động và xã hội trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu.

d) Đề xuất các giải pháp đảm bảo việc làm và an sinh cho người dân các vùng bị ảnh hưởng nặng của biến đổi khí hậu; đề xuất các giải pháp ứng phó phù hợp với mỗi vùng miền, địa phương và đối tượng quản lý của ngành.

3.2. Nhóm nhiệm vụ 2: Thực hiện các dự án, mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu

a) Xây dựng mô hình và thử nghiệm các mô hình thí điểm ứng phó với biến đổi khí hậu trong các lĩnh vực của ngành dựa vào cộng đồng có sự tham gia của chính quyền các cấp, các tổ chức hội đoàn thể, sự tham gia của người dân trong ứng phó và tự ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

b) Tổ chức thực hiện thí điểm theo đặc thù các vùng địa lý và/hoặc theo các nhóm đối tượng chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu;

c) Triển khai nhân rộng các mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu được đánh giá hiệu quả qua quá trình thí điểm.

3.3. Nhóm nhiệm vụ 3: Lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, chính sách của ngành

a) rà soát nội dung các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án của từng lĩnh vực có liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi và bổ sung các văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách để tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Thực hiện lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chương trình, đề án của ngành.

3.4. Nhóm nhiệm vụ 4: Tuyên truyền, phổ biến thông tin, tập huấn nâng cao nhận thức, đào tạo nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế

a) Tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của nhà nước đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong ngành về biến đổi khí hậu và giải pháp ứng phó.

b) Xây dựng các chương trình, tài liệu phục vụ đào tạo, tập huấn và triển khai thực hiện đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực của cán bộ trong ngành ở các cấp.

c) Phát triển đội ngũ cán bộ có trình độ trong lĩnh vực chuyên môn sâu về bảo vệ môi trường và biến đổi khí hậu thông qua các chương trình đào tạo trong nước và quốc tế; vận động các tổ chức trong và ngoài nước tham gia các chương trình nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ hỗ trợ triển khai kế hoạch hành động.

d) Tổ chức các hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế nhằm chia sẻ kinh nghiệm về tác động của biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó trong lĩnh vực lao động và xã hội.

e) Mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút nguồn lực từ các tổ chức quốc tế, phục vụ các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành. Củng cố và thiết lập mạng lưới diễn đàn hợp tác song phương, đa phương, và với các tổ chức phi chính phủ; thu hút nguồn lực và hỗ trợ kỹ thuật, tài chính, kinh nghiệm quốc tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Lồng ghép vào các hoạt động hợp tác trong kế hoạch chung của ASEAN.

4. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện kế hoạch hành động này được bố trí từ các nguồn:

- Kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Các khoản viện phát triển chính thức (ODA) và viện trợ quốc tế khác;
- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

5. Tổ chức thực hiện

a) Vụ Kế hoạch – Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, dự toán và phân bổ kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu vào các kế hoạch, chiến lược phát triển của ngành.

- Hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu theo quy định.

b) Viện Khoa học Lao động và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan trong Bộ triển khai các nghiên cứu khoa học, khảo sát, đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến các lĩnh vực của ngành.

- Tham gia với các đơn vị thuộc Bộ nghiên cứu, xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm và nhân rộng các mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu.

c) Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan trong Bộ tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực, trình độ cán bộ ngành Lao động – Thương binh và Xã hội trong ứng phó với biến đổi khí hậu.

d) Tổng cục Dạy nghề, Cục Việc làm, Cục Bảo trợ xã hội, Cục Bảo vệ và chăm sóc trẻ em, Vụ Bình đẳng giới:

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm, nhân rộng các mô hình.

- Chỉ đạo lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chính sách, chương trình, đề án, dự án thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý.

e) Vụ Hợp tác quốc tế

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan vận động tài trợ quốc tế cho việc thực hiện các nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức và tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về biến đổi khí hậu.

g) Văn phòng Bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của nhà nước về biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó.

h) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Chủ động nghiên cứu, lồng ghép và đề xuất lồng ghép các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, chương trình, đề án phát triển kinh tế – xã hội ở địa phương.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ thực hiện thí điểm và triển khai nhân rộng các mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu.

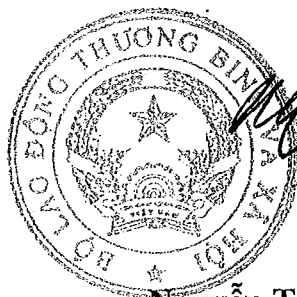
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung, các đơn vị chủ động báo cáo Bộ trưởng xem xét quyết định.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Chánh thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề, Cục trưởng các Cục, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

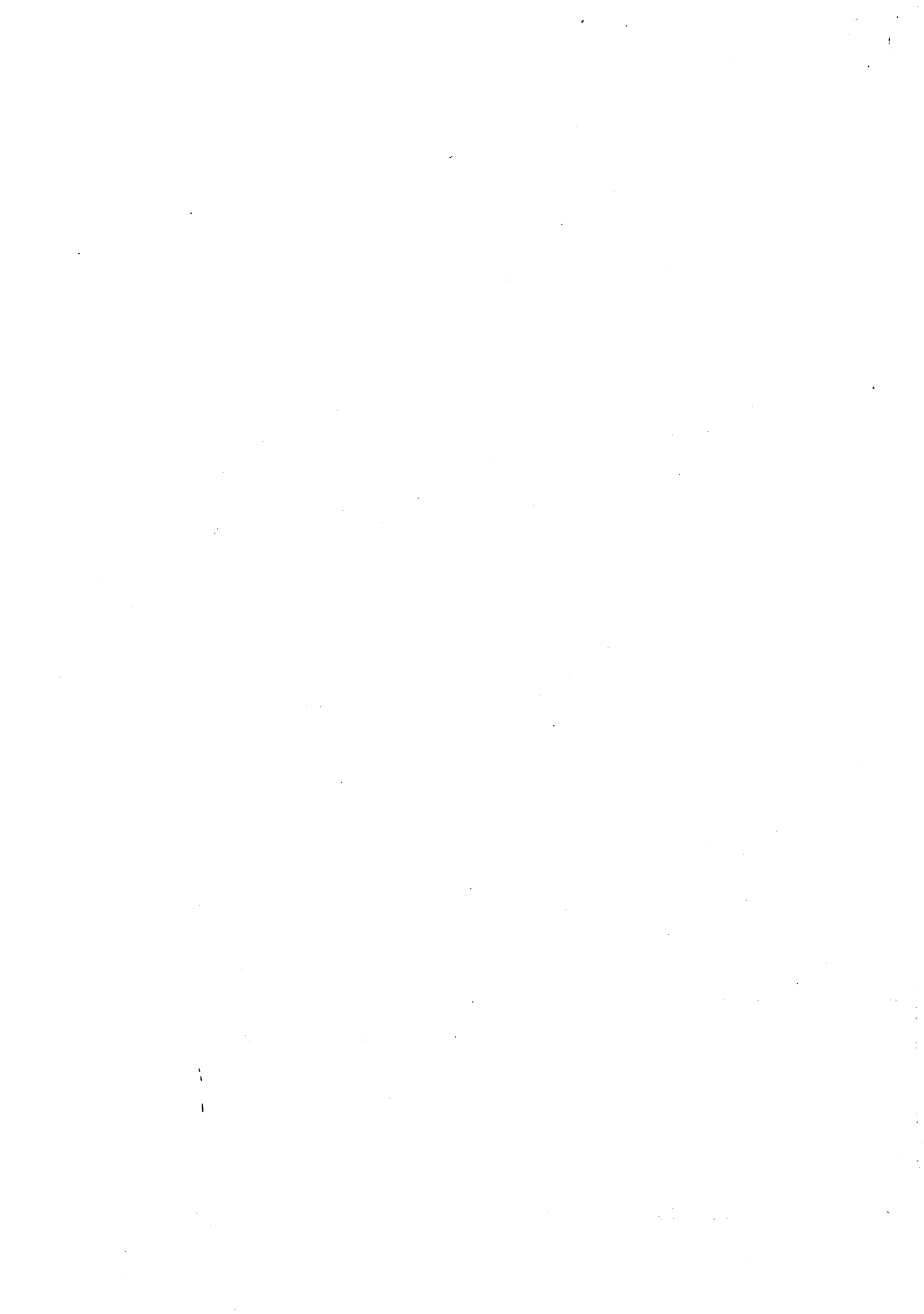
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các đồng chí Lãnh đạo Bộ;
- Các Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ;
- Văn phòng CTMTQG ứng phó với BĐKH;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, Viện KHLĐ&XH, Vụ KHTC.



Nguyễn Trọng Đàm



PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN, HOẠT ĐỘNG ƯU TIÊN TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2011-2015

(Kèm theo Quyết định số 40/QĐ-LĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với Biến đổi khí hậu)

Số TT	Tên hoạt động, nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm/kết quả dự kiến	Kinh phí (Triệu đồng)			Thời gian thực hiện
					CT	MTQG	Nguồn khác	
I. Nghiên cứu, khảo sát, đánh giá, dự báo tác động của BĐKH và đề xuất chính sách ứng phó								
1.1	Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) của Bộ LĐTBXH giai đoạn 2011-2015.	Xây dựng kế hoạch hành động của Bộ phù hợp với các mục tiêu, chiến lược phát triển ngành và với Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH.	Tiến hành các khảo sát, đánh giá tác động cần thiết và tổ chức nghiên cứu, xây dựng kế hoạch.	Bản kế hoạch hành động được phê duyệt.	950			2010-2011
1.2	Đánh giá tác động của BĐKH đến các lĩnh vực việc làm, dạy nghề, giảm nghèo, an sinh xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em; đề xuất các giải pháp ứng phó.	Đánh giá được sơ bộ các tác động của BĐKH tại các địa bàn trọng điểm để đề xuất các giải pháp ứng phó cho ngành trong giai đoạn 2011-2015.	Tiến hành các khảo sát, nghiên cứu thực địa và xây dựng các chuyên đề tác động của BĐKH đến các lĩnh vực của ngành quản lý.	Báo cáo đánh giá tác động và đề xuất giải pháp ứng phó với BĐKH.	2,350			2010-2011
1.3	Xây dựng các mô hình đánh giá và dự báo tác động của BĐKH đến các lĩnh vực lao động và xã hội.	Đưa ra các mô hình dự báo các tác động của BĐKH và nước biển dâng đến các vấn đề của ngành.	Nghiên cứu xây dựng các mô hình dự báo tác động của BĐKH và nước biển dâng đến các vấn đề việc làm và giảm nghèo.	Mô hình dự báo.	1,500	1,000		2011
1.4	Xây dựng phương pháp, khảo sát, đánh giá tác động của BĐKH, nước biển dâng đến sinh kế của người dân ở các vùng dễ bị tổn thương và sinh kế người nghèo toàn quốc.	Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu về BĐKH phục vụ công tác xây dựng, hoạch định chính sách, chương trình, dự án ứng phó với BĐKH của ngành	Tổ chức điều tra trên phạm vi các địa phương bị ảnh hưởng bởi BĐKH	Cơ sở dữ liệu về các tác động của BĐKH đến các lĩnh vực thuộc ngành quản lý.	3,500			2010-2012

1.5	Đánh giá và dự báo các tác động liên ngành của BĐKH đến các vấn đề việc làm và di chuyển lao động khu vực Miền núi phía Bắc và Tây Nguyên, đề xuất giải pháp và mô hình ứng phó.	Đánh giá được các tác động liên ngành trong vấn đề việc làm và di chuyển lao động, từ đó xây dựng giải pháp và mô hình ứng phó.	Khảo sát, phân tích các kênh tác động BĐKH đến việc làm và dịch chuyển lao động, xây dựng mô hình.	2,000			2012
1.6	Đánh giá tác động, dự báo và đề xuất các giải pháp ứng phó với BĐKH đến vấn đề giới và người dân tộc thiểu số tại các vùng chịu nhiều ảnh hưởng của BĐKH và nước biển dâng.	Hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu về BĐKH phục vụ công tác xây dựng, hoạch định chính sách, chương trình, dự án ứng phó với BĐKH của ngành.	Tổ chức khảo sát trên phạm vi các địa phương bị ảnh hưởng, đề bị tổn thương bởi BĐKH.	2,500	1,000	CTMTQG Bình đẳng giới	2012
1.7	Đánh giá tác động của BĐKH đến khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo là người dân tộc thiểu số tại các vùng dễ bị tổn thương bởi BĐKH.	Đảm bảo cơ hội tiếp cận công bằng cho người nghèo là người dân tộc thiểu số vùng khó khăn.	Tiến hành các khảo sát, nghiên cứu và đề xuất giải pháp.	1,500			2012
1.8	Đánh giá và dự báo tác động của BĐKH và nước biển dâng đến việc thực hiện các quyền của trẻ em.	Bảo vệ và chăm sóc trẻ em dựa trên quyền của trẻ trong các điều kiện BĐKH tương lai.	Tổ chức các cuộc điều tra và nghiên cứu đánh giá tác động của BĐKH đến trẻ em và đề xuất các giải pháp, chính sách.	500	1,000	CT Quốc gia về BV&CS TE	2012
1.9	Đánh giá, dự báo và đề xuất các giải pháp qui hoạch lao động, việc làm và di chuyển lao động khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL).	Đề xuất được các nội dung cơ bản, phương pháp để tiến hành xây dựng các qui hoạch ngành trong điều kiện có tác động của BĐKH.	Nghiên cứu, xây dựng các phương pháp tính toán, đưa vào các qui hoạch ngành.	2,000			2013
1.10	Đánh giá nhu cầu và khả năng tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe của trẻ em vùng chịu tác động của BĐKH.	Cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường và sức khỏe người dân đặc biệt là trẻ em.	Thực hiện các nghiên cứu và khảo sát đánh giá. Phân tích và đề xuất các giải pháp.	1,000	1,000	CT Quốc gia về BV&CS TE	2013
Tổng cộng				17,800	4,000		
2. Xây dựng, triển khai các dự án, mô hình thí điểm							
2.1	Nghiên cứu xây dựng các mô hình thí điểm ứng phó với BĐKH.	Đưa ra mô hình thí điểm về ứng phó BĐKH của các lĩnh vực của ngành để triển khai nhân rộng.	Xây dựng các Mô hình ứng phó với BĐKH, nước biển dâng đối với các lĩnh vực: lao động - việc làm, dạy nghề, an sinh xã hội, bảo vệ, chăm sóc trẻ em.	4,500			2011

2.2	Xây dựng mô hình và chính sách việc làm tạm thời, việc làm công.	Xây dựng các mô hình, đề xuất chính sách việc làm tạm thời khác phục hậu quả thiên tai và việc làm công xây dựng các công trình công cộng ứng phó với BĐKH và nước biển dâng.	Nghiên cứu phân tích, đề xuất chính sách, kế hoạch, dự án, thiếu việc làm đi làm các công việc xây dựng các công trình công cộng phòng chống lụt bão, nước biển dâng.	Các nghiên cứu phát triển việc làm công ứng phó với BĐKH.	3,000		2012-2013
2.3	Xây dựng mô hình tăng cường sự tham gia của phụ nữ ở cấp gia đình và cộng đồng trong việc ngăn ngừa, ứng phó với tình trạng nước biển dâng tại ĐBSCL.	Nâng cao vai trò của phụ nữ trong ứng phó với BĐKH các vùng chịu nhiều tác động của nước biển dâng.	Tổ chức các cuộc điều tra và nghiên cứu đánh giá tác động của BĐKH và vai trò của phụ nữ.	Các báo cáo đánh giá tác động, mô hình và các giải pháp đề xuất chính sách.	2,000		2012
2.4	Xây dựng và thúc đẩy hệ thống dịch vụ xã hội trợ giúp người dân bị ảnh hưởng bởi BĐKH và thiên tai.	Nghiên cứu để phát triển các dịch vụ xã hội nhằm hỗ trợ người dân chịu ảnh hưởng của BĐKH.	Tổ chức nghiên cứu, tổ chức các hội nghị, hội thảo xin ý kiến chuyên gia, người dân.	Kết quả nghiên cứu và đề xuất chính sách.	1000	Kêu gọi vốn ODA	2012
2.5	Xây dựng các mô hình chuyển đổi việc làm cho lao động vùng ĐBSCL và ven biển miền Trung ứng phó với tác động của BĐKH và nước biển dâng.	Đề xuất được các giải pháp và mô hình chuyển đổi việc làm, di chuyển lao động của vùng chịu tác động lớn của nước biển dâng.	Xây dựng mô hình phù hợp chuyển đổi sinh kế cho lao động trong nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản.	Mô hình thí điểm trên khoảng 20 huyện chịu nhiều tác động của BĐKH, nước biển dâng.	2,500	CTMT QGVL và vốn ODA	2013-2014
2.6	Mở rộng diện đối tượng hưởng trợ giúp xã hội đột xuất và xây dựng, lồng ghép chính sách trợ giúp thường xuyên dưới tác động của BĐKH và nước biển dâng.	Duy trì mức sống tối thiểu cho người dân bị ảnh hưởng bởi thiên tai.	Tổ chức nghiên cứu, tổ chức các hội nghị, hội thảo xin ý kiến chuyên gia, người dân.	Chính sách được hoàn thiện.	1,000		2013
2.7	Đề xuất giải pháp thúc đẩy thực hiện bảo hiểm thất nghiệp với lao động phi nông nghiệp trong khu vực phi kết cấu ở các vùng bị thiên tai.	Đảm bảo an sinh cho người lao động, hỗ trợ doanh nghiệp chịu tác động thiên tai.	Thực hiện các hoạt động nghiên cứu, khảo sát và xây dựng thử nghiệm mô hình.	Các đề xuất chính sách.	1,000	Kêu gọi vốn ODA	2014
2.8	Nghiên cứu thử nghiệm các giải pháp đa dạng hóa sinh kế cho người dân nghèo các vùng bị hạn hán ứng phó với BĐKH.	Hướng tới sự đa dạng hóa sinh kế làm giải pháp ứng phó tự thân cho người dân.	Xây dựng và đề xuất các giải pháp, mô hình thử nghiệm.	Đề xuất các giải pháp thử nghiệm tại 3 địa bàn.	1,500		2013
2.9	Xây dựng mô hình nâng cao năng lực cộng đồng trong ứng phó với BĐKH	Nâng cao khả năng tự ứng phó với BĐKH của cộng đồng dân cư.	Khảo sát, nghiên cứu xây dựng mô hình.	Mô hình.	1,000	Kêu gọi vốn ODA	2013

2.10	Xây dựng, triển khai thí điểm mô hình ASXH dựa vào cộng đồng ứng phó với BĐKH tại một số vùng dễ bị tổn thương bởi BĐKH.	Xây dựng các mô hình huy động nguồn lực hỗ trợ cộng đồng dân cư ứng phó với BĐKH.	Của cộng đồng và các nguồn lực hỗ trợ xây dựng các quỹ phát triển, quỹ tín dụng cộng đồng.	tỉnh miền núi phía Bắc, 2 tỉnh miền Trung và 2 tỉnh ĐBSCL	4,000	1,000	Kêu gọi vốn ODA	2013-2015
2.11	Triển khai thí điểm các chương trình hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người nghèo trên địa bàn các huyện nghèo trong chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.	Chuyển đổi nghề nghiệp cho người dân các huyện nghèo dựa vào chương trình giảm nghèo nhanh có tính đến các yếu tố tác động của BĐKH.	Xây dựng và thử nghiệm các mô hình chuyển đổi việc làm và các giải pháp hỗ trợ.	Triển khai thí điểm tại 20 huyện nghèo chịu nhiều tác động của thiên tai, nước biển dâng, ngập mặn.	3,000	1,000	ĐA Giám nghề nhanh/ĐA ĐT/Cho LĐ Nông thôn	2013-2015
2.12	Triển khai thí điểm mô hình hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện ở 6 tỉnh bị tác động lớn nhất của nước biển dâng.	Thu hút được người dân vùng bị ảnh hưởng mạnh của BĐKH tham gia	Hình thành nguồn lực và bố trí nhân lực triển khai mô hình.	Mô hình thí điểm.	3,000			2014-2015
2.13	Nghiên cứu đề xuất giải pháp và triển khai thí điểm hỗ trợ người dân tham gia bảo hiểm nông nghiệp ở các địa bàn chịu nhiều tác động của thiên tai.	Đảm bảo cho người dân an ninh lương thực, điều kiện sống tối thiểu trước thiên tai.	Nghiên cứu giải pháp, triển khai thí điểm.	Mô hình thí điểm.	3,000			2014
2.14	Xây dựng và triển khai các mô hình bảo vệ, chăm sóc trẻ em ứng phó với tác động của BĐKH.	Bảo vệ các quyền trẻ em trước BĐKH.	Lựa chọn và triển khai trên địa bàn 5 tỉnh có nhiều nguy cơ ảnh hưởng.	Mô hình thí điểm.	4,000	2,000	CT Quốc gia về BV&CS TE	2014-2015
2.15	Phát triển hệ thống nhà trú bão, tránh lụt cho trẻ em ở các tỉnh ven biển miền Trung, ĐBSCL.	Các giải pháp, mô hình nhà trú bão, tránh lụt.	Tiến hành các khảo sát, nghiên cứu, thử nghiệm và tổng kết các mô hình.	Thí điểm tại địa bàn 5 tỉnh có nhiều nguy cơ ảnh hưởng.	1,000	2,000	CT Quốc gia về BV&CS TE	2015
2.16	Đánh giá kết quả triển khai các mô hình thí điểm về việc làm, dạy nghề, giảm nghèo, an sinh cộng đồng và trẻ em ứng phó với BĐKH giai đoạn 2011-2015.	Đánh giá kết quả việc thực hiện thí điểm các mô hình đã thực hiện.	Tiến hành đánh giá các mô hình đã thực hiện giai đoạn 2011-2015.	Báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm.	2,000			2015
2.17	Đánh giá kết quả hoạt động ứng phó giai đoạn 2011-2015 và xây dựng cập nhật cơ sở dữ liệu phục vụ hoạch định chính sách ngành trong bối cảnh BĐKH.	Cập nhật cơ sở dữ liệu về tác động và ứng phó BĐKH phục vụ công tác xây dựng, hoạch định chính sách.	Tổ chức các cuộc điều tra tại các địa phương bị ảnh hưởng bởi BĐKH đã triển khai năm 2011.	Cơ sở dữ liệu ngành về các tác động của BĐKH và hoạt động ứng phó.	1,500			2015
	Tổng cộng				39,000	11,000		

3. Lồng ghép các yếu tố lồng ghép của BĐKH vào các chiến lược, kế hoạch của ngành

3.1	Lồng ghép các vấn đề BĐKH trong các chiến lược, chương trình, quy hoạch, kế hoạch của ngành.	Đưa ra được các phương pháp, nội dung cơ bản và yêu cầu tích hợp các yếu tố tác động của BĐKH vào các chiến lược, chương trình, qui hoạch, kế hoạch của ngành.	Tiến hành các nghiên cứu xây dựng phương pháp, nội dung và các qui trình tích hợp.	Các báo cáo đề xuất tích hợp.	1,500		2011 - 2015
3.2	Xây dựng và lồng ghép chính sách việc làm ứng phó với BĐKH và nước biển dâng trong chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm.	Lồng ghép được các yếu tố tác động của BĐKH vào chương trình mục tiêu quốc gia.	Các chính sách, chương trình hiện hành. Đề xuất các nội dung và phương án, giải pháp lồng ghép.	Đề xuất chính sách lồng ghép.	500		2011
3.3	Xây dựng và lồng ghép chính sách dạy nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho lao động nông thôn trong đề án dạy nghề cho lao động nông thôn (QĐ 1956/TTg)	Lồng ghép được vào các chương trình hoạt động của Đề án Dạy nghề cho lao động Nông thôn theo quyết định 1956/TTg	Tăng các khả năng tiếp cận và thụ hưởng chính sách dạy nghề cho lao động các vùng chịu nhiều tác động của BĐKH	Đề xuất chính sách lồng ghép.	500	Đề án Dạy nghề cho nông nghiệp LĐ nông thôn	2012-2013
3.4	Xây dựng và lồng ghép chính sách giảm nghèo ứng phó với tác động của BĐKH và nước biển dâng trong chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo.	Lồng ghép được các yếu tố tác động của BĐKH vào chương trình mục tiêu quốc gia.	Lựa chọn một số địa bàn để thử nghiệm; Đánh giá, thử nghiệm và đề xuất lồng ghép.	Đề xuất chính sách lồng ghép.	500	CTMTQG Giảm nghèo	2012-2013
3.5	Xây dựng và lồng ghép chính sách an sinh xã hội vào chiến lược an sinh xã hội Việt Nam giai đoạn 2011-2020.	Lồng ghép được các yếu tố tác động của BĐKH vào chiến lược.	Xây dựng và lồng ghép vào chiến lược quốc gia.	Đề xuất chính sách lồng ghép.	1,000	Vốn ODA	2012
3.6	Rà soát, xây dựng và lồng ghép các chính sách phát triển dạy nghề nhằm chuyển đổi nghề, tạo cơ hội việc làm, lập nghiệp cho người lao động bị mất đất sản xuất, di chuyển nơi ở.	Xây dựng được chính sách phát triển dạy nghề hướng trọng tâm đối tượng chịu tác động ở những vùng bị ảnh hưởng bởi BĐKH	Xây dựng và lồng ghép vào các chính sách quốc gia về việc làm, dạy nghề và giảm nghèo.	Đề xuất chính sách lồng ghép.	1,000		2013-2014
3.7	Rà soát và lồng ghép các chính sách xuất khẩu lao động để di chuyển lao động cho các vùng bị mất đất, tồn thất sinh kế do BĐKH và nước biển dâng.	Hoàn thiện các chính sách về XKLD ứng phó được với tác động của BĐKH.	Khảo sát, đánh giá ảnh hưởng, các đề xuất lồng ghép và thực hiện lồng ghép.	Đề xuất chính sách lồng ghép.	500		2014
3.8	Rà soát và lồng ghép các chính sách liên quan đến an toàn và sức khỏe nghề nghiệp của người lao động trong bối cảnh BĐKH.	Hoàn thiện các chính sách về ATVSLĐ ứng phó được với tác động của BĐKH.	Khảo sát, đánh giá ảnh hưởng, các đề xuất lồng ghép và thực hiện lồng ghép.	Đề xuất chính sách lồng ghép.	500	CTQG ATVSLĐ	2013-2014

3.9	Rà soát, xây dựng và lồng ghép chính sách ứng phó với BĐKH và nước biển dâng trong chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.	Hoàn thiện các chính sách về giảm nghèo ứng phó được với tác động của BĐKH.	Đánh giá, thử nghiệm và đề xuất lồng ghép. Lựa chọn một số địa bàn để thử nghiệm.	Đề xuất chính sách lồng ghép.	2,000	1,000	Đề án Giảm nghèo nhanh	2012-2013	
Tổng cộng					8,000	3,500			
4. Đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực và hợp tác Quốc tế									
4.1	Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực.	Phổ biến và nâng cao năng lực của các đơn vị có liên quan trong ngành.						2011 - 2015	
-	Nghiên cứu, xây dựng tài liệu phổ biến thông tin, đào tạo, tập huấn.				2,000				
-	Phổ biến thông tin, tuyên truyền.				1,700				
-	Tổ chức tập huấn, huấn luyện, phổ biến, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ ngành	Nâng cao năng lực cán bộ trong ngành làm các công việc có liên quan.			3,500				
-	Hỗ trợ đào tạo nâng cao năng lực cán bộ ngành.	Nâng cao năng lực cán bộ trong ngành làm các công việc có liên quan.	Đào tạo trong nước và quốc tế.		1,000	1,000	Vốn tài trợ quốc tế		
4.2	Hợp tác quốc tế về BĐKH, nước biển dâng.							2011 - 2015	
-	Tổ chức các hội thảo quốc tế tại Việt Nam.				1,500	500	Vốn tài trợ quốc tế		
-	Thăm quan, học tập kinh nghiệm ở nước ngoài.				2,500	2,000	Vốn tài trợ quốc tế		
Tổng cộng					12,200	3,500			
Kinh phí từ chương trình MTOG ứng phó với BĐKH					77,000				
Kinh phí từ các chương trình khác và vốn tài trợ quốc tế						22,000			
Tổng kinh phí							99,000		